

BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

| Stt | Biểu mẫu | Cách thức thực hiện | Trách nhiệm thực hiện | |
|-----|--|---------------------|--|----------|
| | | | Chủ đầu tư, bên mời thầu | Nhà thầu |
| 1 | Mẫu số 01. Thông báo mời thầu | Webform | x | |
| 2 | Mẫu số 02A. Phạm vi cung cấp hàng hóa (Áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói) | | x | |
| 3 | Mẫu số 02B. Phạm vi cung cấp hàng hóa (Áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá) | | x | |
| 4 | Mẫu số 03. Đơn dự thầu | | | x |
| 5 | Mẫu số 04. Chào giá trực tuyến | | | x |
| 6 | Mẫu số 05. Phòng chào giá trực tuyến | | Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia | |
| 7 | Mẫu số 06. Kết quả chào giá trực tuyến | | | |
| 8 | Mẫu số 07. Thư chấp thuận giá dự thầu và trao hợp đồng | | x | |
| 9 | Mẫu số 08. Hợp đồng điện tử | | x | x |
| 10 | Mẫu số 09. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng | | | x |
| 11 | Mẫu số 10. Bảo lãnh tiền tạm ứng | | | x |

THÔNG BÁO MỜI THẦU
(theo quy trình rút gọn)

| | |
|-----------------------------------|--|
| Thông tin cơ bản | |
| Mã E-TBMT: | IB2500120756 |
| Ngày đăng tải: | 01/04/2025 08:31 |
| Phiên bản thay đổi: | 00 |
| Thông tin chung của KHLCNT | |
| Mã KHLCNT | PL2500064452 |
| Phân loại KHLCNT | Chi thường xuyên |
| Tên dự án/dự toán mua sắm | Mua sắm thuốc bổ sung năm 2025 trong thời gian chờ đấu thầu tập trung tại Sở Y tế năm 2024 – 2026 tại Trung tâm Y tế Quận Liên Chiểu |
| Thông tin gói thầu | |
| Tên gói thầu | Gói thầu mua sắm thuốc Generic (28 thuốc) bổ sung năm 2025 trong thời gian chờ đấu thầu tập trung tại Sở Y tế năm 2024 – 2026 tại Trung tâm y tế Quận Liên Chiểu |
| Chủ đầu tư | Trung tâm Y tế quận Liên Chiểu |
| Bên mời thầu | Trung tâm Y tế quận Liên Chiểu |
| Nguồn vốn | Nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác. |
| Lĩnh vực | Hàng hóa |
| Hình thức lựa chọn nhà thầu | Chào giá trực tuyến rút gọn |
| Loại hợp đồng | Đơn giá cố định |

| | | | |
|--|------------------------------------|-----------------------------------|----------------|
| Thời gian thực hiện gói thầu | 5 Tháng | | |
| Địa điểm thực hiện gói thầu | Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng | | |
| Thông tin chào giá | | | |
| Thời điểm bắt đầu chào giá trực tuyến | 04/04/2025 10:00 | | |
| Thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến | 10/04/2025 10:00 | | |
| Giá trần | Mã phần (lô) | Tên phần (lô) | Giá trần |
| | PP2500164050 | Diazepam | 288.750 VND |
| | PP2500164051 | Fentanyl | 2.313.360 VND |
| | PP2500164052 | Lidocain hydroclodrid | 795.000 VND |
| | PP2500164053 | Lidocain hydroclodrid | 3.966.440 VND |
| | PP2500164054 | Lidocain + epinephrin (adrenalin) | 17.698.800 VND |
| | PP2500164055 | Pethidin | 975.000 VND |
| | PP2500164056 | Rocuronium bromid | 1.107.000 VND |
| | PP2500164057 | Diphenhydramin | 1.049.580 VND |
| | PP2500164058 | Calci gluconat | 742.500 VND |
| | PP2500164059 | Phenobarbital | 115.080 VND |
| | PP2500164060 | Phytomenadion (vitamin K1) | 232.800 VND |
| | PP2500164061 | Amiodaron hydroclorid | 648.000 VND |
| | PP2500164062 | Methyldopa | 2.688.400 VND |

| | | | |
|--------------------------------------|--------------|--------------------------|----------------|
| | PP2500164063 | Furosemid | 158.508 VND |
| | PP2500164064 | Methyl ergometrin maleat | 184.800 VND |
| | PP2500164065 | Oxytocin | 4.548.600 VND |
| | PP2500164066 | Misoprostol | 3.332.000 VND |
| | PP2500164067 | Diazepam | 4.898.880 VND |
| | PP2500164068 | Salbutamol sulfat | 30.133.530 VND |
| | PP2500164069 | Salbutamol sulfat | 21.462.000 VND |
| | PP2500164070 | Salbutamol + ipratropium | 9.450.000 VND |
| | PP2500164071 | Glucose | 2.517.480 VND |
| | PP2500164072 | Magnesi sulfat | 145.000 VND |
| | PP2500164073 | Tranexamic acid | 716.130 VND |
| | PP2500164074 | Adrenalin | 190.000 VND |
| | PP2500164075 | Dexamethason | 83.190 VND |
| | PP2500164076 | Drotaverin clohydrat | 1.092.810 VND |
| | PP2500164077 | Hyoscin butylbromid | 2.233.000 VND |
| Bước giá cho gói thầu chia phần (lô) | Mã phần (lô) | Tên phần (lô) | Bước giá |
| | PP2500164050 | Diazepam | 289 VND |
| | PP2500164051 | Fentanyl | 2.314 VND |
| | PP2500164052 | Lidocain hydroclodrid | 795 VND |
| | PP2500164053 | Lidocain hydroclodrid | 3.967 VND |
| | PP2500164054 | Lidocain + epinephrin | 17.699 VND |

| | | |
|--------------|----------------------------|------------|
| | (adrenalin) | |
| PP2500164055 | Pethidin | 975 VND |
| PP2500164056 | Rocuronium bromid | 1.107 VND |
| PP2500164057 | Diphenhydramin | 1.050 VND |
| PP2500164058 | Calci gluconat | 743 VND |
| PP2500164059 | Phenobarbital | 116 VND |
| PP2500164060 | Phytomenadion (vitamin K1) | 233 VND |
| PP2500164061 | Amiodaron hydroclorid | 648 VND |
| PP2500164062 | Methyldopa | 2.689 VND |
| PP2500164063 | Furosemid | 159 VND |
| PP2500164064 | Methyl ergometrin maleat | 185 VND |
| PP2500164065 | Oxytocin | 4.549 VND |
| PP2500164066 | Misoprostol | 3.332 VND |
| PP2500164067 | Diazepam | 4.899 VND |
| PP2500164068 | Salbutamol sulfat | 30.134 VND |
| PP2500164069 | Salbutamol sulfat | 21.462 VND |
| PP2500164070 | Salbutamol + ipratropium | 9.450 VND |
| PP2500164071 | Glucose | 2.518 VND |
| PP2500164072 | Magnesi sulfat | 145 VND |
| PP2500164073 | Tranexamic acid | 717 VND |
| PP2500164074 | Adrenalin | 190 VND |

| | | | |
|--|--------------|----------------------|-----------|
| | PP2500164075 | Dexamethason | 84 VND |
| | PP2500164076 | Drotaverin clohydrat | 1.093 VND |
| | PP2500164077 | Hyoscin butylbromid | 2.233 VND |

| | |
|--------------------------|---------|
| Hiệu lực của đơn dự thầu | 60 Ngày |
|--------------------------|---------|

Nguyên tắc chào giá trực tuyến theo Điều 99 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP

- Nhà thầu có thể liên tục thay đổi mức giá.
- Mức giá do các nhà thầu chào được công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và được công khai trong quá trình chào giá, trừ tên nhà thầu.
- Nhà thầu thực hiện chào giá theo Mẫu số 04. Giá chào cuối cùng của nhà thầu sẽ là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.
- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tự động xếp hạng và công khai thứ tự xếp hạng của nhà thầu tương ứng với mức giá trong thời gian chào giá trực tuyến.
- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia ghi nhận giá chào cuối cùng của từng nhà thầu tại thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến và danh sách xếp hạng nhà thầu.

Nguyên tắc xếp hạng nhà thầu theo Điều 101 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP

- Nhà thầu có giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.
- Trường hợp các nhà thầu có giá chào bằng nhau thì nhà thầu chào giá trước sẽ được xếp hạng cao hơn nhà thầu chào giá sau.
- Trường hợp sau thời điểm kết thúc chào giá, có nhiều hơn một nhà thầu xếp hạng 1 (cùng chào một thời điểm) thì chủ đầu tư xử lý tình huống theo quy định tại khoản 18 Điều 131 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA

(áp dụng cho loại hợp đồng theo đơn giá cố định hoặc hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)

| STT | Mã phần (lô) | Tên phần (lô) | Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Khối lượng | Ký mã hiệu ⁽¹⁾ | Nhãn hiệu ⁽¹⁾ | Hãng sản xuất ⁽¹⁾ | Xuất xứ của hàng hóa ⁽¹⁾ | Năm sản xuất ⁽¹⁾ | Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾ | Địa điểm dự án | Ngày giao hàng ⁽²⁾ | | Yêu cầu khác ⁽¹⁾ |
|-----|----------------------|---------------|-------------------|-------------|------------|---------------------------|--------------------------|------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------|--------------------------------|--|---|-----------------------------|
| | | | | | | | | | | | | | Ngày giao hàng sớm nhất <i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]</i> | Ngày giao hàng muộn nhất <i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]</i> | |
| 1 | PP250 01640 50 | Diaze pam | | | | | | | | | | Trung tâm Y tế Liên Chiêu, 525 | 01 ngày kể từ ngày chủ | 02 ngày kể từ ngày chủ | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|--|--|----------|--------------------------|----|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|--|---|--------------------------|--------------------------|--|
| | | | | | | | | | | | | Tôn Đức Thắng, phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng | đầu tư yêu cầu giao hàng | đầu tư yêu cầu giao hàng | |
| 1.1 | | | Diazepam | Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống | 55 | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Nồng độ, hàm lượng: 10mg/2 ml, Đường dùng: Tiêm, Dạng bào chế: | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|----------------------|--------------|--------|------|-----|-------|-------|-------|-------|-------|--|--|---|---|--|
| | | | | | | | | | | | Thuốc tiêm, Nhóm TCKT: Nhóm 4 | | | | |
| 2 | PP250 01640 51 | Fentan yl | | | | | | | | | | Trung tâm Y tế Liên Chiểu, 525 Tôn Đức Thắng, phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng | 01 ngày kể ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | 02 ngày kể ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | |
| 2.1 | | | Fentan | Túi/ | 136 | Không | Không | Không | Không | Không | Nồng | | | | |

| | | | yl | bình/ chai/ lọ/ ống | | yêu cầu | yêu cầu | yêu cầu | yêu cầu | yêu cầu | độ, hàm lượng: 0,1mg/ 2ml, Đường dùng: Tiêm, Dạng bào chế: Thuốc tiêm, Nhóm TCKT: Nhóm 1 | | | | |
|---|----------------------|----------------------------------|----|---------------------------|--|------------|------------|------------|------------|------------|--|--|---|---|--|
| 3 | PP250 01640 52 | Lidoca in hydroc lodrid | | | | | | | | | | Trung tâm Y tế Liên Chiểu, 525 Tôn Đức Thắng, phường | 01 ngày kể ngày chủ đầu tư yêu cầu giao | 02 ngày kể ngày chủ đầu tư yêu cầu giao | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|--|--|----------------------------------|-----------------------------------|---|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---|--|------|------|--|
| | | | | | | | | | | | | Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng | hàng | hàng | |
| 3.1 | | | Lidoca in hydroc lodrid | Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống | 5 | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Nồng độ, hàm lượng: 10%/38 , Đường dùng: Dùng ngoài, Dạng bào chế: Thuốc xịt ngoài | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|----------------------|----------------------------------|--------------|---------------|-------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|-----------------------------------|--|---|---|--|
| | | | | | | | | | | | da, Nhóm TCKT: Nhóm 1 | | | | |
| 4 | PP250 01640 53 | Lidoca in hydroc lodrid | | | | | | | | | | Trung tâm Y tế Liên Chiểu, 525 Tôn Đức Thắng, phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng | 01 ngày kể ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | 02 ngày kể ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | |
| 4.1 | | | Lidoca in | Túi/ bình/ | 5.833 | Không yêu | Không yêu | Không yêu | Không yêu | Không yêu | Nồng độ, | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|----------------------|---|------------------|------------------|--|-----|-----|-----|-----|-----|---|--|---------------------------------|---------------------------------|--|
| | | | hydroc lodrid | chai/ lọ/ ống | | cầu | cầu | cầu | cầu | cầu | hàm lượng: 2%/2m l (tương đương với 40mg/2 ml), Đường dùng: Tiêm, Dạng bào chế: Thuốc tiêm, Nhóm TCKT: Nhóm 4 | | | | |
| 5 | PP250 01640 54 | Lidoca in + epinep hrin (adrena | | | | | | | | | | Trung tâm Y tế Liên Chiểu, 525 | 01 ngày kể ngày chủ | 02 ngày kể ngày chủ | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|--|------|-----------------------------------|--------------------------|-------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---|---|--------------------------|--------------------------|--|
| | | lin) | | | | | | | | | | Tôn Đức Thắng, phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng | đầu tư yêu cầu giao hàng | đầu tư yêu cầu giao hàng | |
| 5.1 | | | Lidocain + epinephrin (adrenalin) | Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống | 1.806 | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Nồng độ, hàm lượng: 36mg + 0,018mg (~ 0,01813mg) (tương đương | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|---|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | | | 0,0324 mg epinep hrin (adrena lin) bitartr at)/1,8 ml = (36mg + 18mcg (~ 18,13m cg) (tương đương 32,4mc g epinep hrin (adrena lin) bitartr at)/1,8 ml = (20mg | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|---|--|--|--|--|

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|---|--|--|--|
| | | | | | | | | | | | | +0,01 mg (tương đương 0,018m g epinep hrin (adrena lin) bitartra t)/ml; 1,8ml = (20mg + 10mcg (tương đương 18mcg epinep hrin (adrena lin) bitartra t)/ml; 1,8ml | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|---|--|--|--|

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|----------------------|--------------|--|--|--|--|--|--|--|--|---|--|---|---|--|
| | | | | | | | | | | | =(2%+ 1:100.0 00)/1,8 ml, Đường dùng: Tiêm, Dạng bào ché: Dung dịch gây tê , Nhóm TCKT: Nhóm 5 | | | | |
| 6 | PP250 01640 55 | Pethid in | | | | | | | | | | Trung tâm Y tế Liên Chiêu, 525 Tôn Đức Thắng, | 01 ngày kê ngày chủ đầu tư yêu cầu | 02 ngày kê ngày chủ đầu tư yêu cầu | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|--|--|--------------|-----------------------------------|----|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|--|--|--------------|--------------|--|
| | | | | | | | | | | | | phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng | giao hàng | giao hàng | |
| 6.1 | | | Pethid in | Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống | 50 | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Nồng độ, hàm lượng: 100mg/ 2ml, Đường dùng: Tiêm, Dạng bào chế: Thuốc tiêm, Nhóm | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|----------------------|------------------------------|------------------------------|-----------------------------------|----|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|------------------------------|--|---|---|--|
| | | | | | | | | | | | TCKT: Nhóm 1 | | | | |
| 7 | PP250 01640 56 | Rocur onium bromi d | | | | | | | | | | Trung tâm Y tế Liên Chiểu, 525 Tôn Đức Thắng, phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng | 01 ngày kê ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | 02 ngày kê ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | |
| 7.1 | | | Rocur onium bromi d | Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống | 27 | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Nồng độ, hàm lượng: | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | |
|---|----------------------|----------------|--|--|--|--|--|--|--|---|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | | 50mg/5 ml; ống 5ml, Đường dùng: Tiêm, Dạng bào chế: Thuốc tiêm, Nhóm TCKT: Nhóm 4 | | | | |
| 8 | PP250 01640 57 | Diphenhydramin | | | | | | | | | Trung tâm Y tế Liên Chiểu, 525 Tôn Đức Thắng, phường Hoà | 01 ngày kể ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | 02 ngày kể ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|--|--|----------------|--------------------------|-------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|--|---|--|--|--|
| | | | | | | | | | | | | Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng | | | |
| 8.1 | | | Diphenhydramin | Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống | 1.666 | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Nồng độ, hàm lượng: 10mg/ml, Đường dùng: Tiêm, Dạng bào chế: Thuốc tiêm, Nhóm TCKT: Nhóm | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------------------|----|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---|--|---|---|--|
| | | | | | | | | | | | 4 | | | | |
| 9 | PP250 01640 58 | Calci glucon at | | | | | | | | | | Trung tâm Y tế Liên Chiểu, 525 Tôn Đức Thắng, phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng | 01 ngày kể ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | 02 ngày kể ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | |
| 9.1 | | | Calci glucon at | Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống | 55 | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Nồng độ, hàm lượng: 10% 10ml | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | |
|----|----------------------|---------------|--|--|--|--|--|--|--|---|--|---|---|--|
| | | | | | | | | | | hoặc 95,5mg , Đường dùng: Tiêm, Dạng bào chế: Thuốc tiêm, Nhóm TCKT: Nhóm 2 | | | | |
| 10 | PP250 01640 59 | Phenobarbital | | | | | | | | | Trung tâm Y tế Liên Chiểu, 525 Tôn Đức Thắng, phường Hoà Khánh | 01 ngày kể ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | 02 ngày kể ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|------|----------------|------------------|-------------------|------|-----|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|--|--|------------|------------|--|
| | | | | | | | | | | | | Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng | | | |
| 10.1 | | | Phenob arbital | Viên | 548 | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Nồng độ, hàm lượng: 10mg, Đường dùng: Uống, Dạng bào chế: Viên, Nhóm TCKT: Nhóm 4 | | | | |
| 11 | PP250 01640 | Phytom enadio | | | | | | | | | | Trung tâm Y | 01 ngày | 02 ngày | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|------|----|-------------------|-------------------------------|-----------------------------------|-----|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|--|--|---|---|--|
| | 60 | n (vitamin K1) | | | | | | | | | | tế Liên Chiểu, 525 Tôn Đức Thắng, phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng | kê ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | kê ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | |
| 11.1 | | | Phytomenadion (vitamin K1) | Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống | 194 | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Nồng độ, hàm lượng: 1mg/ ml, Đường dùng: Tiêm, | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | |
|----|----------------------|----------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|---|---|--|
| | | | | | | | | | | | Dạng bào chế: Thuốc tiêm, Nhóm TCKT: Nhóm 4 | | | |
| 12 | PP250 01640 61 | Amiod aron hydroc lorid | | | | | | | | | Trung tâm Y tế Liên Chiểu, 525 Tôn Đức Thắng, phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố | 01 ngày kể ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | 02 ngày kể ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | |
|------|----------------------|------------|-----------------------|-----------------------------------|----|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|--|---|---|---|--|--|
| | | | | | | | | | | | | Đà Nẵng | | | | |
| 12.1 | | | Amiodaron hydroclorid | Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống | 27 | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Nồng độ, hàm lượng: 150mg/ 3ml, Đường dùng: Tiêm, Dạng bào chế: Thuốc tiêm, Nhóm TCKT: Nhóm 4 | | | | | |
| 13 | PP250 01640 62 | Methyldopa | | | | | | | | | | Trung tâm Y tế Liên Chiêu, 525 Tôn | 01 ngày kê ngày chủ đầu tư | 02 ngày kê ngày chủ đầu tư | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|------|--|--|----------------|------|-------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---|---|----------------------------|----------------------------|--|
| | | | | | | | | | | | | Đức Thắng, phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng | yêu cầu giao hàng | yêu cầu giao hàng | |
| 13.1 | | | Methy ldopa | Viên | 1.222 | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Nồng độ, hàm lượng: 250mg, Đường dùng: Uống, Dạng bào chế: Viên, | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | |
|------|----------------------|---------------|------------------------|-----|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|----------------------------|--|---|---|--|--|
| | | | | | | | | | | | Nhóm TCKT: Nhóm 1 | | | | | |
| 14 | PP250 01640 63 | Furose mid | | | | | | | | | | Trung tâm Y tế Liên Chiểu, 525 Tôn Đức Thắng, phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng | 01 ngày kê ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | 02 ngày kê ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | | |
| 14.1 | | Furose mid | Túi/ bình/ chai/ | 222 | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Nồng độ, hàm | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | |
|----|----------------------|------------------------------------|--|---------|--|--|--|--|--|---|--|---|---|--|
| | | | | lọ/ ống | | | | | | lượng: 20mg/2 ml, Đường dùng: Tiêm, Dạng bào chế: Thuốc tiêm, Nhóm TCKT: Nhóm 4 | | | | |
| 15 | PP250 01640 64 | Methyl ergome trin maleat | | | | | | | | | Trung tâm Y tế Liên Chiểu, 525 Tôn Đức Thắng, phường Hoà Khánh | 01 ngày kể ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | 02 ngày kể ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|------|--|--|------------------------------------|-----------------------------------|----|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | | | | Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng | | | |
| 15.1 | | | Methyl ergome trin maleat | Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống | 16 | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Nồng độ, hàm lượng: 0,2mg/ ml, Đường dùng: Tiêm, Dạng bào chế: Thuốc tiêm, Nhóm TCKT: Nhóm 4 | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|------|----------------------|--------------|--------------|-----------------------------------|-----|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|--|--|---|---|--|
| 16 | PP250 01640 65 | Oxytoc in | | | | | | | | | | Trung tâm Y tế Liên Chiểu, 525 Tôn Đức Thắng, phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng | 01 ngày kê ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | 02 ngày kê ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | |
| 16.1 | | | Oxytoc in | Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống | 722 | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Nồng độ, hàm lượng: 10IU/ ml, Đường dùng: | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | |
|----|----------------------|-------------|--|--|--|--|--|--|--|--|---|---|---|--|
| | | | | | | | | | | | Tiêm, Dạng bào chế: Thuốc tiêm, Nhóm TCKT: Nhóm 4 | | | |
| 17 | PP250 01640 66 | Misoprostol | | | | | | | | | Trung tâm Y tế Liên Chiểu, 525 Tôn Đức Thắng, phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành | 01 ngày kê ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | 02 ngày kê ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | |
|------|----------------------|----------|-------------|------|-----|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---|---|---|---|--|--|
| | | | | | | | | | | | | phổ Đà Nẵng | | | | |
| 17.1 | | | Misoprostol | Viên | 833 | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Nồng độ, hàm lượng: 200mcg Đường dùng: Uống, Dạng bào chế: Viên, Nhóm TCKT: Nhóm 4 | | | | | |
| 18 | PP250 01640 67 | Diazepam | | | | | | | | | | Trung tâm Y tế Liên Chiểu, 525 Tôn | 01 ngày kê ngày chủ đầu tư | 02 ngày kê ngày chủ đầu tư | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|------|--|--|--------------|------|-------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---|---|----------------------------|----------------------------|--|
| | | | | | | | | | | | | Đức Thắng, phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng | yêu cầu giao hàng | yêu cầu giao hàng | |
| 18.1 | | | Diaze pam | Viên | 3.888 | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Nồng độ, hàm lượng: 5mg, Đường dùng: Uống, Dạng bào chế: Viên, Nhóm | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | |
|------|----------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------------------|-------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|------------------------------|--|---|---|--|--|
| | | | | | | | | | | | TCKT: Nhóm 1 | | | | | |
| 19 | PP250 01640 68 | Salbut amol sulfat | | | | | | | | | | Trung tâm Y tế Liên Chiểu, 525 Tôn Đức Thắng, phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng | 01 ngày kê ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | 02 ngày kê ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | | |
| 19.1 | | | Salbut amol sulfat | Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống | 6.833 | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Nồng độ, hàm lượng: | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|----|----------------------|--------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|---|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | | | 2,5mg/ 2,5ml, Đường dùng: Hô hấp, Dạng bào chế: Dung dịch/ hỗn dịch khí dung, Nhóm TCKT: Nhóm 4 | | | | |
| 20 | PP250 01640 69 | Salbut amol sulfat | | | | | | | | | | Trung tâm Y tế Liên Chiêu, 525 Tôn Đức | 01 ngày kể ngày chủ đầu tư yêu | 02 ngày kể ngày chủ đầu tư yêu | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|------|--|--|--------------------------|-----------------------------------|-------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---|--|---------------------|---------------------|--|
| | | | | | | | | | | | | Thắng, phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng | cầu giao hàng | cầu giao hàng | |
| 20.1 | | | Salbut amol sulfat | Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống | 2.555 | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Nồng độ, hàm lượng: 5mg/ 2,5ml, Đường dùng: Hô hấp, Dạng bào chế: Dung | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | |
|----|----------------------|-------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|---|---|
| | | | | | | | | | | | dịch/ hỗn dịch khí dung, Nhóm TCKT: Nhóm 4 | | | |
| 21 | PP250 01640 70 | Salbut amol + ipratr opium | | | | | | | | | | Trung tâm Y tế Liên Chiêu, 525 Tôn Đức Thắng, phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiêu, thành phố | 01 ngày kể ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | 02 ngày kể ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng |

| | | | | | | | | | | | | Đà Nẵng | | | |
|------|--|--|--------------------------|-----------------------------------|-----|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---|------------|--|--|--|
| 21.1 | | | Salbutamol + ipratropium | Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống | 750 | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Nồng độ, hàm lượng: (2,5mg Salbutamol + 0,5mg ipratropium (bromid))/2,5 ml, Đường dùng: Hô hấp, Dạng bào chế: Dung dịch/ hỗn | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | |
|----|----------------------|-------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|---|---|
| | | | | | | | | | | | dịch khí dung, Nhóm TCKT: Nhóm 4 | | | |
| 22 | PP250 01640 71 | Glucos e | | | | | | | | | | Trung tâm Y tế Liên Chiểu, 525 Tôn Đức Thắng, phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng | 01 ngày kể ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | 02 ngày kể ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|------|----------------------|--------------------|---------|-----------------------------------|-----|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---|--|--|--|--|
| 22.1 | | | Glucose | Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống | 333 | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Nồng độ, hàm lượng: 5%/500 ml, Đường dùng: Tiêm truyền, Dạng bào chế: Thuốc tiêm truyền, Nhóm TCKT: Nhóm 4 | | | | |
| 23 | PP250 01640 72 | Magne si sulfat | | | | | | | | | | Trung tâm Y tế Liên Chiểu, 525 Tôn Đức | 01 ngày kê ngày chủ đầu tư yêu | 02 ngày kê ngày chủ đầu tư yêu | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|------|--|--|--------------------|-----------------------------------|----|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---|--|---------------------|---------------------|--|
| | | | | | | | | | | | | Thắng, phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng | cầu giao hàng | cầu giao hàng | |
| 23.1 | | | Magnes i sulfat | Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống | 50 | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Nồng độ, hàm lượng: 15%/1 0ml (tương đương 1,5g/1 0ml), Đường dùng: Tiêm, Dạng | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|----|----------------------|------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|---|---|--|--|
| | | | | | | | | | | | bào ché: Thuốc tiêm, Nhóm TCKT: Nhóm 4 | | | | |
| 24 | PP250 01640 73 | Tranex amic acid | | | | | | | | | Trung tâm Y tế Liên Chiểu, 525 Tôn Đức Thắng, phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà | 01 ngày kể ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | 02 ngày kể ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|------|--------------|-----------|-----------------|-----|-----|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|--|------------------------------------|----------------------------|----------------------------|--|
| | | | | | | | | | | | | Năng | | | |
| 24.1 | | | Tranexamic acid | Ống | 218 | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Nồng độ, hàm lượng: 500mg/5ml, Đường dùng: Tiêm, Dạng bào chế: Dung dịch tiêm, Nhóm TCKT: Nhóm 4 | | | | |
| 25 | PP2500164074 | Adrenalin | | | | | | | | | | Trung tâm Y tế Liên Chiểu, 525 Tôn | 01 ngày kể ngày chủ đầu tư | 02 ngày kể ngày chủ đầu tư | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|------|--|--|---------------|-----|-----|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|--|---|----------------------------|----------------------------|--|
| | | | | | | | | | | | | Đức Thắng, phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng | yêu cầu giao hàng | yêu cầu giao hàng | |
| 25.1 | | | Adrena lin | Ổng | 152 | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Nồng độ, hàm lượng: 1mg/1m l, Đường dùng: Tiêm, Dạng bào chế: Dung | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|------|----------------------|------------------|-------|-----|-----|-------|-------|-------|-------|-------|---|--|---|---|--|
| | | | | | | | | | | | dịch tiêm, Nhóm TCKT: Nhóm 4 | | | | |
| 26 | PP250 01640 75 | Dexam ethason | | | | | | | | | | Trung tâm Y tế Liên Chiểu, 525 Tôn Đức Thắng, phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng | 01 ngày kể ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | 02 ngày kể ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | |
| 26.1 | | | Dexam | Ống | 118 | Không | Không | Không | Không | Không | Nồng | | | | |

| | | | ethason | | | yêu cầu | yêu cầu | yêu cầu | yêu cầu | yêu cầu | độ, hàm lượng: 4mg/1ml, Đường dùng: Tiêm, Dạng bào chế: Dung dịch tiêm, Nhóm TCKT: Nhóm 4 | | | | |
|----|----------------------|-------------------------|---------|--|--|---------|---------|---------|---------|---------|---|---|------------------------------------|------------------------------------|--|
| 27 | PP250 01640 76 | Drotaverin clohydrat | | | | | | | | | | Trung tâm Y tế Liên Chiểu, 525 Tôn Đức Thắng, | 01 ngày kể ngày chủ đầu tư yêu cầu | 02 ngày kể ngày chủ đầu tư yêu cầu | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|------|--|--|---------------------------------|-----|-----|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|--|--|--------------|--------------|--|
| | | | | | | | | | | | | phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng | giao hàng | giao hàng | |
| 27.1 | | | Drotav erin clohyd rat | Ống | 499 | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Nồng độ, hàm lượng: 40mg/2 ml, Đường dùng: Tiêm, Dạng bào chế: Dung dịch tiêm, | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|------|----------------------|--------------------------------|-----------------------|-----|-----|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|----------------------------|--|---|---|--|
| | | | | | | | | | | | Nhóm TCKT: Nhóm 4 | | | | |
| 28 | PP250 01640 77 | Hyosci n butylb romid | | | | | | | | | | Trung tâm Y tế Liên Chiểu, 525 Tôn Đức Thắng, phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng | 01 ngày kê ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | 02 ngày kê ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng | |
| 28.1 | | | Hyosci n butylb | Ổng | 770 | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Không yêu cầu | Nồng độ, hàm | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|-------|--|--|--|--|--|--|--|---|--|--|--|--|
| | | | romid | | | | | | | | lượng: 20mg/ ml, Đường dùng: Tiêm, Dạng bào ché: Dung dịch tiêm, Nhóm TCKT: Nhóm 4 | | | | |
|--|--|--|-------|--|--|--|--|--|--|--|---|--|--|--|--|

Chi phí dự phòng (%) 0

Ghi chú:

(1) Chủ đầu tư được nêu yêu cầu cụ thể về xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, thông số kỹ thuật của hàng hóa và các yêu cầu khác (nếu có) như: lắp đặt, đào tạo, bảo hành...

(2) Chủ đầu tư lưu ý: nhà thầu sẽ không đề xuất ngày giao hàng cụ thể mà chỉ cam kết tuân thủ theo yêu cầu của chủ đầu tư tại mục này. Do đó, nhà thầu có quyền giao hàng trong khoảng thời gian bất kỳ kể từ ngày giao hàng sớm nhất đến ngày giao hàng muộn nhất mà chủ đầu tư yêu cầu. Chủ đầu tư cần nghiên cứu để đưa ra khoảng thời gian phù hợp giữa ngày giao hàng sớm nhất và ngày giao hàng muộn nhất.

(* Ghi rõ a%:

- Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định: a% là tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng

khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

- Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh: $a\%$ là tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh và trượt giá. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế và có trượt giá.

Đối với gói thầu chia phần (lô), Chủ đầu tư phải điền rõ tên từng phần (lô) và các hàng hóa như Mẫu này.

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

Ngày:___ [Hệ thống tự động trích xuất]

Tên gói thầu: ___ [Hệ thống tự động trích xuất]

Kính gửi: ___ [Hệ thống tự động trích xuất]

Sau khi nghiên cứu E-TBMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ [Hệ thống tự động trích xuất] Mã số thuế: ___ [Hệ thống tự động trích xuất] cam kết thực hiện gói thầu ___ [Hệ thống tự động trích xuất] mã E-TBMT: ___ [Hệ thống tự động trích xuất] theo đúng yêu cầu nêu trong E-TBMT với giá dự thầu cuối cùng mà nhà thầu đã chào trực tuyến.

Hiệu lực của đơn dự thầu: ___ [Hệ thống tự động trích xuất theo E-TBMT]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;
3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;

7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;

8. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu.

9. Trường hợp trúng thầu, chúng tôi cam kết sẽ tiến hành hoàn thiện hợp đồng, ký kết hợp đồng theo đúng các yêu cầu của Mẫu số 02 và giá dự thầu cuối cùng mà chúng tôi đã chào giá trên Hệ thống theo Mẫu số 04.

10. Trường hợp chúng tôi trúng thầu nhưng không thực hiện các cam kết trong đơn này và các nội dung đã đề xuất, chúng tôi sẽ bị đưa vào danh sách nhà thầu không bảo đảm uy tín khi tham dự thầu (phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu đối với nhà thầu khác), bị khóa tài khoản trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của chủ đầu tư.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu.

NHÀ THẦU CHÀO GIÁ TRỰC TUYẾN

| Stt | Danh mục hàng hóa | Trọng số về đơn giá của hàng hóa ⁽¹⁾ |
|-----|-------------------|---|
| (1) | (2) | (3) |
| | Hàng hóa thứ 1 | N ₁ |
| | | N ₂ |
| | Hàng hóa thứ n | N _n |

| Giá dự thầu đã bao gồm toàn bộ giá trị hàng hóa, các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí (nếu có) ^(*) |
|---|
| M |

(1) (2) Hệ thống tự trích xuất từ biểu mẫu mời thầu

(3) Nhà thầu điền các trọng số về đơn giá (N1, N2,...) của từng hạng mục. Nhà thầu lưu ý, nhà thầu cần nghiên cứu công thức tính thành tiền và đơn giá dự thầu từ các trọng số để đề xuất các trọng số cho phù hợp. Đối với lần chào giá đầu tiên nhà thầu nhập các trọng số là đơn giá của hàng hóa nhà thầu dự kiến xác định sẽ chào. Đối với các lần chào giá sau, nhà thầu có thể thay đổi hoặc không thay đổi trọng số của từng hạng mục hàng hóa trong quá trình chào giá.

(*) Nhà thầu chào giá **M** nhỏ hơn giá thấp nhất hiển thị trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia của các nhà thầu tham dự theo bước giá trong thông báo mời thầu. Khi chào giá trực tuyến, trường hợp nhà thầu không thay đổi trọng số đơn giá thì chỉ cần đưa ra giá dự thầu **M**.

Đối với gói thầu chia làm nhiều phần (lô), nhà thầu thực hiện theo mẫu này đối với từng phần (lô). Nhà thầu lưu ý: đối với loại hợp đồng theo đơn giá, M chưa bao gồm chi phí dự phòng.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA

| Stt | Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá dự thầu <i>(đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))</i> | Thành tiền <i>đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)</i> |
|---|-----------------------|-------------|------------|---|--|
| <i>(1)</i> | <i>(2)</i> | <i>(3)</i> | <i>(4)</i> | <i>(5)</i> | <i>(6)</i> |
| | <i>Hàng hóa thứ 1</i> | | K_1 | $D_1 = M / (K_1 + N_2/N_1 * K_2 + \dots + N_n/N_1 * K_n)$ | $D_1 * K_1$ |
| | <i>Hàng hóa thứ 2</i> | | K_2 | $D_2 = N_2/N_1 * D_1$ | $D_2 * K_2$ |
| | | ... | ... | ... | ... |
| | <i>Hàng hóa thứ n</i> | | K_n | $D_n = N_n/N_1 * D_1$ | $D_n * K_n$ |
| Giá dự thầu đã bao gồm toàn bộ giá trị hàng hóa, các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí (nếu có) | | | | | M |

Ghi chú:

(1) (2) (3) (4) Hệ thống tự trích xuất

(5) (6) Hệ thống tự động tính theo công thức.

Đối với gói thầu chia làm nhiều phần (lô), hiển thị đối với từng phần (lô).

PHÒNG CHÀO GIÁ TRỰC TUYẾN^(*)

| Thời gian còn lại (1) | | Thông tin quá trình chào giá trực tuyến | | |
|-------------------------------|-----------------|---|-------------|----------|
| Giá trần (2) | Bước giá (3) | Thời gian chào giá | Giá dự thầu | Xếp hạng |
| Giá thấp nhất hiện tại (4) | | (5) | (6) | (7) |

Ghi chú:

(*) Trường hợp gói thầu chia làm nhiều phần (lô), hiển thị kết quả của từng phần (lô).

(1): Hệ thống tự động tính toán thời gian chào giá còn lại.

(2) (3): Hệ thống trích xuất giá trần, bước giá trong thông báo mời thầu.

(4): Hệ thống hiển thị giá chào thấp nhất của các nhà thầu.

(5): Hệ thống hiển thị thời gian thực tế nhà thầu chào giá thành công.

(6): Hệ thống hiển thị giá chào thầu của nhà thầu.

(7): Hệ thống hiển thị thứ tự xếp hạng của các nhà thầu chào giá thành công trên Hệ thống.

KẾT QUẢ CHÀO GIÁ TRỰC TUYẾN^(*)

Số lượng nhà thầu tham dự:

| Stt | Tên Nhà thầu | Mã nhà thầu | Giá dự thầu cuối cùng (M) | Thời gian chào giá cuối cùng | Xếp hạng nhà thầu |
|-----|--------------|-------------|---------------------------|------------------------------|-------------------|
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu chia làm nhiều phần (lô), hiển thị kết quả của từng phần (lô).

Trường hợp nhà thầu được đề nghị trúng thầu, giá đề nghị trúng thầu được tính như sau:

- Đối với loại hợp đồng trọn gói, giá đề nghị trúng thầu là M.

- Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định và hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, giá đề nghị trúng thầu là: $M + M \times a\%$. Trong đó $a\%$ được xác định tại Mẫu số 02B.

THƯ CHẤP THUẬN GIÁ DỰ THẦU VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: Thông báo chấp thuận giá dự thầu và trao hợp đồng

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [*ghi tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [*ghi tên, số hiệu gói thầu*], Bên mời thầu _____ [*ghi tên Bên mời thầu*] (sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”) thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận giá dự thầu và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [*ghi tên, số hiệu gói thầu*]. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì ghi tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu] với giá hợp đồng là _____ [*ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [*ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: ____ [*ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...*];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng thực hiện qua Hệ thống.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 09 với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ [*ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Điều 7 Mẫu số 08 Hợp đồng điện tử*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Trường hợp Nhà thầu không thể có mặt tại thời gian, địa điểm nêu trên thì Nhà thầu phải có thông báo cho Chủ đầu tư. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Trường hợp Nhà thầu vi phạm nhà thầu sẽ bị xử lý theo nội dung cam kết trong đơn dự thầu tại Mẫu số 3.

Bên mời thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____ [*Chủ đầu tư/đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]

Gói thầu: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

Thuộc dự án: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*].

- Căn cứ Thư chấp thuận giá dự thầu và trao hợp đồng ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

- Các căn cứ khác (nếu có). [*Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: ____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: ____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: ___ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: ___ [*Hệ thống trích xuất*]

E-mail: ___ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: ___ ; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

Mã số thuế: ___ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: ___ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: ___ [*Hệ thống trích xuất*]

Đối với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

Chủ đầu tư

Tên Chủ đầu tư: ___ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: ___ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: ___ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: ___ [*Hệ thống trích xuất*]

E-mail: ___ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: ___ ; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

Mã số thuế: ___ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: ___ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: ___ [*Hệ thống trích xuất*]

Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A): [*Hệ thống trích xuất*]

Tên Đơn vị được ủy quyền: ___ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: ___ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: ___ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: ___ [*Hệ thống trích xuất*]

E-mail: ___ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: ___ ; [*Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]

Mã số thuế: ___ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: ___ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: ___ [*Hệ thống trích xuất*]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (*trường hợp được ủy quyền*) [*Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*].

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: ___ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: ___ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: ___ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: ___ [*Hệ thống trích xuất*]

E-mail: ___ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: ___ [*Hệ thống trích xuất*]

Mã số thuế: ___ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: ___ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: ___ [*Hệ thống trích xuất*]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng:

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa và các dịch vụ liên quan được nêu chi tiết tại Mẫu số 02A (hoặc 02B) kèm theo E-TBMT số ___ [Hệ thống trích xuất].

Điều 2. Trách nhiệm của Bên A và Bên B

1. Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 3 của Hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong Hợp đồng.

2. Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này theo thời gian giao hàng nêu tại Điều 5 của Hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 3. Giá hợp đồng, tạm ứng, thanh toán, thuế, phí, lệ phí

1. Tạm ứng

Bên A cấp cho Bên B khoản tiền tạm ứng: ___ [ghi số tiền tạm ứng, các chứng từ để tạm ứng, phương thức tạm ứng...phù hợp quy định của pháp luật. Trong trường hợp cần thiết, có thể yêu cầu Bên B xuất trình bảo lãnh tiền tạm ứng theo Mẫu số 10] sau khi Bên B nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

Bên B chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Bên B phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Bên A.

2. Giá hợp đồng: [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].

a) Giá hợp đồng đối với hợp đồng trọn gói:

b) Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng.

c) Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí.

3. Thanh toán:

a) Yêu cầu thanh toán của Bên B phải được gửi cho Bên A bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả hàng hóa đã bàn giao và các dịch vụ liên quan đã thực hiện, cùng với chứng từ: ___ [ghi cụ thể các loại chứng từ, tài liệu] và gửi yêu cầu thanh toán khi đã hoàn thành các nghĩa vụ khác quy định trong hợp đồng.

b) Phương thức thanh toán: ___ [căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này. Việc thanh toán cho Bên B có thể quy định thanh toán bằng chuyển khoản, số lần thanh toán là nhiều lần trong quá trình thực hiện hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng. Thời hạn thanh toán có thể quy định thanh toán ngay hoặc trong vòng không quá một số ngày nhất định kể từ khi Bên B xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật.

Bên B được thanh toán toàn bộ giá hợp đồng khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng. Đối với loại hợp đồng trọn gói, trường hợp khối lượng công việc thực hiện ít hơn khối lượng theo hợp đồng thì hai bên phải ký kết văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng, trong đó nêu rõ giá hợp đồng mới tương ứng với khối lượng công việc thực tế].

4. Thuế, phí, lệ phí:

a) Bên B chịu trách nhiệm đối với toàn bộ chi phí về thuế, phí, lệ phí phát sinh cho đến khi hàng hóa được giao cho Bên A;

b) Trường hợp Bên B thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, Bên A tạo điều kiện tối đa cho Bên B áp dụng các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí.

c) Việc điều chỉnh thuế: ___ [ghi “Được phép” hoặc “Không được phép”. Trường hợp được phép áp dụng điều chỉnh thuế thì ghi: “Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Bên B xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng”].

Điều 4. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: ___ [Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo E-TBMT].

Điều 5. Thời gian thực hiện hợp đồng

1. Thời gian giao hàng: ___ [ghi phù hợp với Mẫu số 02A hoặc Mẫu số 02B]

2. Thời gian thực hiện hợp đồng: ___ [Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với yêu cầu trong E-TBMT và kết quả

hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 6. Sửa đổi hợp đồng

1. Bên A có thể yêu cầu Bên B sửa đổi, bổ sung các nội dung sau đây trong phạm vi công việc của hợp đồng:

- a) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói;
- b) Thay đổi địa điểm giao hàng;
- c) Thay đổi dịch vụ liên quan.
- d) Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

2. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong phạm vi công việc của hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều này làm thay đổi chi phí hoặc thời gian thực hiện bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng, giá hợp đồng hoặc ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ liên quan phải được điều chỉnh tương ứng và hai bên tiến hành sửa đổi hợp đồng. Yêu cầu của Bên B về việc điều chỉnh giá hợp đồng, ngày giao hàng hoặc ngày hoàn thành phải được tiến hành trong vòng 28 ngày, kể từ ngày Bên B nhận được yêu cầu của Bên A về việc sửa đổi, bổ sung nội dung công việc của hợp đồng.

3. Trường hợp Bên B cung cấp hàng hóa với phiên bản mới của cùng hãng sản xuất, có cùng xuất xứ, có tính năng kỹ thuật, cấu hình, thông số... tương đương hoặc tốt hơn phiên bản hàng hóa Bên B đề xuất và đáp ứng yêu cầu tại Điều 1 của Hợp đồng này thì Bên B phải thông báo trước bằng văn bản cho Bên A để Bên A xem xét. Trong trường hợp này, căn cứ nhu cầu sử dụng, Bên A có thể chấp thuận đề xuất của Bên B với điều kiện là đơn giá và các điều kiện khác của hợp đồng không thay đổi.

Điều 7. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Bên A không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận giá dự thầu và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau:

- a) Đặt cọc bằng Séc bảo chi hoặc nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Bên A đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu;
- b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;
- c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c Mục này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo Mẫu số 09 hoặc một mẫu khác được Bên A chấp thuận.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực:

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: ___% giá hợp đồng. [ghi giá trị cụ thể căn cứ yêu cầu của gói thầu, từ 2% đến 10% giá hợp đồng].

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến _____ [căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Bên B chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định].

3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Bên B không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.

4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ [ghi cụ thể thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng sau khi Bên B hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng, căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu].

5. Bên B không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;

b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;

c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Điều 8. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong đơn dự thầu và bảng chào giá, cụ thể là: _____ [Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể về việc giao hàng và các tài liệu, chứng từ kèm theo].

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: _____ [Nêu yêu cầu về vận chuyển hàng hóa, bao gồm cả địa điểm giao hàng căn cứ yêu cầu và tính chất của gói thầu].

3. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

a) Bên B phải tiến hành tất cả các thử nghiệm, kiểm tra đối với hàng hóa và dịch vụ liên quan: [căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà quy định cụ thể việc kiểm tra, thử nghiệm của Bên B trên cơ sở phù hợp với yêu cầu quy định tại Mẫu số 2A hoặc Mẫu số 2B. Việc kiểm tra, thử nghiệm có thể quy định theo từng giai đoạn như: trước khi giao hàng, khi hàng đến... Trong các quy định về kiểm tra, thử nghiệm cần nêu được các nội dung cơ bản như: thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành, chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm... cũng như quy định về cách thức xử lý đối với các hàng hóa không đạt yêu cầu qua kiểm tra, thử nghiệm] và chịu toàn bộ chi phí thử nghiệm, kiểm tra.

b) Việc kiểm tra và thử nghiệm có thể được tiến hành tại cơ sở của Bên B hoặc cơ sở khác ở địa điểm giao hàng, và/hoặc địa điểm dự án hoặc: ___ [ghi địa điểm]. Theo quy định tại điểm c khoản này, trường hợp tiến hành tại cơ sở của Bên B hoặc cơ sở khác thì cán bộ kiểm tra phải được cung cấp tất cả phương tiện và hỗ trợ cần thiết, kể cả việc tiếp cận bản vẽ và dữ liệu sản xuất; Bên A không phải chịu bất kỳ chi phí nào cho các phương tiện và hỗ trợ này.

c) Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền tham dự các buổi thử nghiệm, kiểm tra quy định tại điểm a khoản này, với điều kiện là Bên A chịu tất cả các chi phí phát sinh liên quan đến việc tham dự, bao gồm cả chi phí đi lại, lưu trú.

d) Trước khi tiến hành kiểm tra, thử nghiệm, Bên B phải thông báo cho Bên A về địa điểm và thời gian tiến hành kiểm tra, thử nghiệm. Trường hợp phải được sự chấp thuận của bên thứ ba hoặc nhà sản xuất để Bên A tham gia kiểm tra, thử nghiệm, Bên B phải có văn bản đồng ý của các bên liên quan này.

e) Bên A có thể yêu cầu Bên B tiến hành thử nghiệm, kiểm tra ngoài hợp đồng nhưng cần thiết để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật, hiệu suất đáp ứng yêu cầu của hợp đồng, với điều kiện là các chi phí hợp lý để tiến hành thử nghiệm, kiểm tra đó được cộng thêm vào giá hợp đồng. Trường hợp thử nghiệm, kiểm tra làm chậm tiến độ sản xuất và/hoặc tiến độ thực hiện các nghĩa vụ khác của Bên B theo hợp đồng, Bên A xem xét điều chỉnh ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ liên quan và các nghĩa vụ khác bị ảnh hưởng.

g) Bên B phải gửi cho Bên A báo cáo kết quả của tất cả các thử nghiệm, kiểm tra.

h) Bên A có quyền từ chối bất kỳ hàng hóa, bộ phận hàng hóa nào không đáp ứng yêu cầu trong các buổi kiểm tra, thử nghiệm hoặc không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng. Bên B phải thay thế bằng hàng hóa, bộ phận hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để phù hợp với các đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng và phải chịu tất cả chi phí liên quan đến việc thay thế hoặc điều chỉnh này. Sau đó Bên B phải tiến hành kiểm tra, thử nghiệm lại và chịu tất cả chi phí phát sinh, đồng thời thông báo cho Bên A theo quy định tại điểm d khoản này.

i) Việc Bên B thực hiện thử nghiệm, kiểm tra hàng hóa, bộ phận hàng hóa, việc Bên A hay đại diện của Bên A tham dự các buổi thử nghiệm, kiểm tra, hay việc báo cáo kết quả thử nghiệm, kiểm tra theo quy định tại điểm g khoản này, không miễn trừ cho Bên B nghĩa vụ bảo hành hoặc các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.

Điều 9. Bảo hành

1. Bên B bảo đảm cung cấp hàng hóa mới, chưa qua sử dụng theo đúng đề xuất đã nêu. Bên B bảo đảm hàng hóa không phát sinh khiếm khuyết do bất kỳ hành động hay sơ suất nào từ phía Bên B hoặc do thiết kế, vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo khi hàng hóa được sử dụng bình thường trong các điều kiện phổ biến tại Việt Nam.

2. Thời hạn bảo hành là: _____ ngày [ghi số ngày]. Địa điểm để áp dụng bảo hành là: _____ [ghi tên một hoặc một số địa điểm] [Tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể. Đối với các loại hàng hóa đơn giản thì yêu cầu Bên B có phiếu bảo hành kèm theo, trong đó nêu rõ thời gian và trách nhiệm bảo hành của Bên B. Đối với các loại hàng hóa phức tạp thì ngoài việc có phiếu bảo hành kèm theo còn phải quy định Bên A giữ lại một phần giá trị của hợp đồng để bảo đảm nghĩa vụ bảo hành hoặc nộp dưới dạng một bảo lãnh của ngân hàng. Trong trường hợp này, cần quy định cụ thể giá trị khoản tiền giữ lại và thời hạn hoàn trả cho Bên B (ví dụ sẽ hoàn trả lại cho Bên B khi hai bên thanh lý hợp đồng)].

3. Trường hợp phát hiện khiếm khuyết của hàng hóa, Bên A kịp thời thông báo cho Bên B, kèm theo tài liệu chứng minh. Bên A tạo điều kiện cho Bên B tiến hành kiểm tra các khiếm khuyết đó.

4. Sau khi nhận được thông báo của Bên A về việc hàng hóa có khiếm khuyết, Bên B phải kịp thời sửa chữa hoặc thay thế hàng hóa có khiếm khuyết trong thời hạn: _____ ngày [ghi số ngày] và chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, thay thế.

5. Trường hợp đã được thông báo nhưng Bên B không tiến hành sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa trong thời hạn quy định tại khoản 4 Điều này, Bên A có thể tự sửa chữa (nếu cần thiết). Bên B phải chịu tất cả rủi ro và chi phí liên quan. Việc Bên A tự sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa không ảnh hưởng đến các quyền khác của Bên A đối với Bên B theo hợp đồng.

Điều 10. Phạt và bồi thường thiệt hại

1. Phạt vi phạm hợp đồng : _____ [ghi “Áp dụng” hoặc “Không áp dụng”].

Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:

Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 11 của Hợp đồng này, nếu Bên B không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Bên A có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với : _____%/tuần (hoặc ngày, tháng...) [ghi cụ thể mức khấu trừ là bao nhiêu % giá trị phần hàng hóa giao chậm hoặc phần dịch vụ liên quan hoàn thành chậm] cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Bên A sẽ khấu trừ đến _____% [ghi mức phạt tối đa]. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Bên A có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 12 của Hợp đồng này.

2. Bồi thường thiệt hại: _____ [ghi “Áp dụng” hoặc “Không áp dụng”].

Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì quy định về bồi thường thiệt hại theo một trong các cách thức sau:

- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;

- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở một mức xác định. Trong trường hợp này nêu rõ mức bồi thường, phương thức bồi thường... phù hợp với pháp luật dân sự

Điều 11. Bất khả kháng

1. Bên B không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cần trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.

3. Trong Hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Bên B bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

Điều 12. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm

a) Bên A có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên B về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Bên B không thể bàn giao hàng hóa hoặc một phần hàng hóa trong thời hạn quy định theo hợp đồng, hoặc trong thời gian gia hạn;

- Bên B không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng;
- Bên A xác định Bên B vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện hợp đồng;

b) Trường hợp Bên A chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng theo điểm a khoản này, Bên A có thể mua sắm hàng hóa và dịch vụ liên quan tương tự như các hàng hóa và dịch vụ chưa được thực hiện theo các điều khoản và phương thức phù hợp. Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A các chi phí phát sinh từ việc mua hàng hóa và dịch vụ tương tự đó. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.

2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán

Trường hợp Bên B phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Bên A có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Bên B. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Bên B không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Bên A trước đó hoặc sau đó.

Điều 13. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.
2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong ___ [ghi số ngày tiến hành hòa giải tối đa] kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết: ___ [ghi cụ thể thời gian và cơ chế xử lý tranh chấp căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu. Trong đó cần nêu rõ thời gian gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp, tổ chức giải quyết tranh chấp (toà án, trọng tài), chi phí cho việc giải quyết tranh chấp...]

Điều 14. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ___ [Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng].
2. Hợp đồng tự động hết hiệu lực sau khi các bên hoàn thành tất cả quyền, nghĩa vụ của các bên theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

NHÀ THẦU
[xác nhận, chữ ký số]

CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN
[xác nhận, chữ ký số]

- (1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.*
- (2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.*

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”); ⁽¹⁾

Theo quy định trong hợp đồng, Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾*] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [*ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định của hợp đồng/biên bản hoàn thiện hợp đồng*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [*ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] đã ký

hợp đồng số __ [ghi số hợp đồng] ngày__ tháng__ năm__ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Hợp đồng/biên bản hoàn thiện hợp đồng.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)
[*ghi tên hợp đồng, số hợp đồng*]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ____ [*ghi tên và địa chỉ của nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾*] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày giao hàng quy định trong hợp đồng. Nếu giao hàng theo từng phần thì có thể quy định bảo lãnh tiền tạm ứng hết hiệu lực khi

giá trị hàng hóa được giao và nghiệm thu lớn hơn hoặc bằng số tiền được tạm ứng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.